

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/09/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi				Về				Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng			
1	426	TD2	7:25	22	0		22	0			
2	410	RP2	7:25	22	0		16	0			
3	424	PPD+TD2	7:25	16+6	0+0		7+3	0+0			
4	426	PPD+BK4+BK10	9:25	22+0+0	0+0+0		0+0+0	0+0+0	trans 2 PAX BK4-BK10		
5	424	PPD+RP2	9:25	12+10	0+0		0+10	0+0			

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17-Sep-17	TO: PPD - TD2	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: DLONG - T.Hiếu - ĐANG	ETA: 09:20
vang-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN BÁ THANH	PPD	04	1	6		69	XAYLAP	Vietnamese
2	PHẠM HỒNG QUÂN	PPD	11	1	7		55	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN HOÀN	PPD	13	1	14		75	XAYLAP	Vietnamese
4	VÕ VĂN HIỆP	PPD	16	1	12		67	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN MINH TUẤN	PPD	17-18	2	16		62	XAYLAP	Vietnamese
6	BIỆN XUÂN THĂNG	PPD	05	1	7		62	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ XUÂN TRƯỜNG	PPD	21-22	2	17		63	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN VĂN THANH	PPD	01	1	12		75	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ VIỆT HUY	PPD	12	1	12	20	62	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN MINH HOANG	PPD	02	1	8		70	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐINH MẠNH HÀ	PPD	14-15	2	16		75	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐỖ DANH NGỌC	PPD	09-10	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN THUẬN	PPD	06	1	9		65	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN GIA HIỆU	PPD	03	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC CHUNG	PPD	07-08	2	17		64	XAYLAP	Vietnamese
16	TRẦN CÔNG HÀ	PPD	19-20	2	16		80	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN ANH ĐỨC	TD2	39	1	4		63	GETRACO	Vietnamese
18	HOÀNG VĂN ĐOÀN	TD2	40	1	6		76	GETRACO	Vietnamese
19	TRẦN VĂN THANH	TD2	41	1	6		77	GETRACO	Vietnamese
20	TRẦN VĂN CHINH	TD2	43	1	5		50	GETRACO	Vietnamese
21	ĐINH EM	TD2	44	1	3		67	GETRACO	Vietnamese
22	PHAN VĂN HẬU	TD2	42	1	4		67	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	16	22	194	1.084	20	7		
2	TD2	6	6	28	400	0	5		
TOTAL		22	28	222	1.484	20	12		
WEIGHT KG				222	1.484	20			

GRAND TOAL: 1.726 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17-Sep-17	TO: RP2	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: LHai - KHOAN - NNam	ETA: 09:15
cam-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DAVUDOV D.S	RP2	11	1	5		65	KHOAN	Russian
2	BUI HUU TRI	RP2	01	1	4		60	GETRACO	Vietnamese
3	IMASHEV E.R	RP2	08	1	7		80	KHOAN	Russian
4	VU VAN DOANH	RP2	10	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
5	DO VAN PHAN	RP2	16	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
6	ĐẬU CAO KHANG	RP2	12	1	4		55	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN MINH HIEU	RP2	13	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
8	VO VAN HUNG	RP2	05	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
9	NHAM ĐỨC QUANG	RP2	03	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN QUOC TUAN	RP2					65	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN CHAN	RP2	17	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN HUYNH	RP2	15	1	5	80	63	KHOAN	Vietnamese
13	NGO HONG GIANG	RP2	18	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
14	PHAM QUANG ANH	RP2					80	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN NGAN	RP2	07	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
16	LE HONG ĐAI	RP2	02	1	5		72	D-HANH	Vietnamese
17	QUAN ĐỨC THANG	RP2	06	1	5		63	D-HANH	Vietnamese
18	NGUYEN CANH TAN	RP2	14	1	5		73	D-HANH	Vietnamese
19	PHAN VAN THINH	RP2	04	1	5		70	D-HANH	Vietnamese
20	NGUYEN TIEN DUNG	RP2	09	1	5		60	D-HANH	Vietnamese
21	THAI VAN TUAN	RP2	20	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
22	LE QUOC TIEN	RP2	19	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	22	20	101	1.487	80	018		
	TOTAL	22	20	101	1.487	80	018		
	WEIGHT KG			101	1.487	80			

GRAND TOAL: 1.668 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/09/2017	TO: TD2	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Hôi - Linh - THỤ	ETA: 09:10
XANH1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HAI	TD2	63	1	7		79	KHOAN	Vietnamese
2	GARMADAN IA.D	TD2	52	1	12		95	KHOAN	Russian
3	GONCHAROV SERGEY	TD2	51	1	10		100	KHOAN	Russian
4	VU MINH HAI	TD2	54	1	3		69	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN ANH ĐỨC	TD2	47	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ ĐỨC THO	TD2	46	1	2		74	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN TRỌNG ANH	TD2					78	KHOAN	Vietnamese
8	TRƯỜNG THANH TÙNG	TD2	57	1	2		68	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ VĂN HIỆN	TD2	50	1	2		76	KHOAN	Vietnamese
10	BUI TRUNG THỌ	TD2					72	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ ANH QUÂN	TD2	53	1	2		81	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN THANH TUYẾN	TD2	61	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN THANH TÙNG	TD2	62	1	2		54	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM THANH GIANG	TD2	48	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM VĂN THĂNG	TD2	49	1	4		77	KHOAN	Vietnamese
16	ĐO BA NAM	TD2	60	1	5		81	KHOAN	Vietnamese
17	HỒ VĂN HUNG	TD2	58	1	4		69	KHOAN	Vietnamese
18	ĐANG VIỆT CUÔNG	TD2	65-66	2	18		69	DVL	Vietnamese
19	CU NGỌC HỒNG	TD2	59	1	11		76	DVL	Vietnamese
20	DƯƠNG TRUNG KIẾN	TD2	64	1	7		60	DVL	Vietnamese
21	ĐOÀN VĂN LAN	TD2	55	1	5	90	68	GETRACO	Vietnamese
22	BUI VĂN THĂNG	TD2	56	1	4		66	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	22	21	114	1.613	90	22		
	TOTAL	22	21	114	1.613	90	22		
	WEIGHT KG			114	1.613	90			

GRAND TOAL: 1.817 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/09/2017	TO: PPD - BK4 - BK10	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:30
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Hôi - Linh - THỤ	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN HỮU MINH	PPD	27	1	13		72	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ HUY DUẬN	PPD	25	1	11		61	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ ĐỨC THỌ	PPD	26	1	11		73	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐỖ XUÂN HIỆP	PPD	41	1	9		75	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐẶNG NGỌC CƯỜNG	PPD	53	1	10		79	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN HỒNG YẾN	PPD	24	1	13		73	XAYLAP	Vietnamese
7	PHUNG QUANG ĐẠI	PPD	30-31	2	18		71	XAYLAP	Vietnamese
8	HOANG TRINH ANH	PPD	29	1	14		71	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN SY LỤC	PPD	43-44	2	18		71	XAYLAP	Vietnamese
10	HOANG XUÂN KIẾN	PPD	38	1	8		66	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ ĐÌNH HIỆU	PPD	28	1	9		65	XAYLAP	Vietnamese
12	PHẠM VĂN TẤN	PPD	39	1	12		72	XAYLAP	Vietnamese
13	PHẠM VĂN ĐÌNH	PPD	45-46	2	10		75	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN TRUNG SỸ	PPD	40	1	14		56	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ VIỆT ANH ĐỨC	PPD	47	1	10		72	XAYLAP	Vietnamese
16	HA TUAN DUNG	PPD	49-50	2	18		73	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN QUANG HÙNG	PPD	48	1	15		56	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN XUÂN LỘC	PPD	32-33	2	18		55	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN KIẾT	PPD	42	1	16		61	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐẠO HỮU TUYẾN	PPD	51-52	2	18		67	XAYLAP	Vietnamese
21	VŨ ĐÌNH ĐẠI	PPD	34-35	2	18		66	XAYLAP	Vietnamese
22	TRẦN ANH HIỆP	PPD	36-37	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	30	300	1,500	0	0		
2	BK4	0	0	0	0	0	0	0	CHUYEN 2 PAX BK4 SANG BK10
3	BK10	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	30	300	1,500	0	0		
WEIGHT KG				300	1,500	0			

GRAND TOAL: 1.800 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17-Sep-17	TO: PPD - RP2	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:40
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: DLONG - T.Hieu - ĐANG	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE DANG TIEN	PPD	13	1	11		60	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN VAN MANH	PPD	01-02	2	18		62	XAYLAP	Vietnamese
3	LE HUY	PPD				27	65	XAYLAP	Vietnamese
4	VU XUAN CHINH	PPD	05	1	15		60	XAYLAP	Vietnamese
5	PHAM MINH TRUNG	PPD					84	XAYLAP	Vietnamese
6	PHAM VAN MAI	PPD	18	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN VAN GIAO	PPD	03-04	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
8	LE XUAN DUNG	PPD	06	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
9	LUONG XUAN QUANG	PPD	07	1	23		57	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN VAN KHANH	PPD	11-12	2	20		55	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐANG TAT HANH	PPD	09-10	2	15	22	60	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN XUAN THANG	PPD	16-17	2	20		57	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN ĐUNG	RP2	29	1	14		55	DVL	Vietnamese
14	NGUYEN HUU TUYEN	RP2	25	1	12		59	DVL	Vietnamese
15	SVYATOKHO	RP2	34	1	5		85	NIPI	Russian
16	TRAN CAO MONG	RP2	30	1	4		55	GETRACO	Vietnamese
17	VU HOANG QUAN	RP2	26	1	5		55	GETRACO	Vietnamese
18	ĐAO XUAN THO	RP2	33	1	4		70	GETRACO	Vietnamese
19	CAO DUY LUNG	RP2	27	1	5		55	GETRACO	Vietnamese
20	VU VIET SON	RP2	32	1	5		57	GETRACO	Vietnamese
21	ĐINH VAN HUU	RP2	28	1	4		55	GETRACO	Vietnamese
22	NGUYEN DUY CANH	RP2	31	1	5		53	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	12	15	161	750	49	0		
2	RP2	10	10	63	599	0	10		
TOTAL		22	25	224	1.349	49	10		
WEIGHT KG				224	1.349	49			

GRAND TOAL: 1.622 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/09/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	610	T.UNG	7:25	17	0		14	0	
2	426	RC4+PVD1	7:25	9+13	0+0		5+8	0+0	
3	410	RCDM+RC6+RP1	7:25	7+9+6	0+0+0		5+5+8	0+0+0	
4	406	JS2+TD3	7:25	3+19	0+0		0+22	0+0	
5	424	P6+TD5	7:25	4+18	0+0		1+20	0+0	
6	426	P3+PPD+RP2	9:25	5+9+7	0+0+0		0+0+12	0+0+0	
7	410	TD1+RC3+RP1	9:25	4+7+11	0+0+0		0+5+16	0+0+0	
8	406	RP2	9:25	22	0		22	0	
9	424	P8+VSP02+RP3	9:25	3+0+19	0+0+0		0+3+19	0+0+0	
10	426	RP3+PVD1+P10	11:25	21+0+1	0+0+0		15+0+6	0+0+0	trans 5 pax pvd1-p10
11	410	PPD+P3+P7	11:25	22+0+0	0+0+0		0+0+0	0+0+0	trans 4 pax P3- P7
12	406	RP3+RC6+RCDM	11:25	17+3+2	0+0+0		0+3+7	0+0+0	
13	424	RP1+RC4+TD5	11:25	14+0+8	0+0+0		10+0+6	0+0+0	TRANS 4 PAX RC4-TD5

TTBDSX

Ghi chú : /ĐI VỀ TRONG NGÀY: RP1-5NG, RC6-3NG, RCDM-4NG, 2/ATC4 : CHUYỂN P3-P7, RC4-TD5, PVD1-P10



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/09/2017	TO: BK THIEN UNG	AIRCRAFT: 610	ETD: 07:27
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Bội - CÔNG	ETA: 10:35
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KAMARUL BIN OTHMAN	BK THIE	37-38	2	15	15	78	D-HANH	Malaysian
2	NGUYEN VIET ANH	BK THIE	21	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
3	БАРАМОВ А. Г.	BK THIE	22	1	8		92	KH-THAC	Russian
4	PHẠM GIAP TRI	BK THIE	25	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN VIET TUNG	BK THIE	23	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN MINH TAM	BK THIE	35	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
7	VU HUNG TUAN	BK THIE	30	1	6	15	71	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ HỒNG QUANG	BK THIE	33	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
9	DUONG VAN THONG	BK THIE	27	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ ANH TUAN	BK THIE	39	1	5	14	50	KH-THAC	Vietnamese
11	HỒ ĐÌNH HUY	BK THIE	31-32	2	10		68	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ VĂN CƯỜNG	BK THIE	28	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN THIEN TOAN	BK THIE	36	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN ANH TUAN	BK THIE	26	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN VAN SON	BK THIE	34	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN XUÂN THUY	BK THIE	29	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN NAM SINH	BK THIE	24	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK THIEN UNG	17	19	108	1.211	44	14		
	TOTAL	17	19	108	1.211	44	14		
	WEIGHT KG			108	1.211	44			

GRAND TOAL: 1.363 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/09/2017	TO: RC4 - PVD1	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Khang - MTuấn - Năm - Huy	ETA: 09:10
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	YAGUDIN	RC4	05	1	7		90	D-HANH	Russian
2	IVANOV	RC4	02	1	6		86	D-HANH	Russian
3	NGUYEN QUANG SUNG	RC4	03	1	5		70	D-HANH	Vietnamese
4	PHAM MINH CUONG	RC4	01	1	6	50	62	D-HANH	Vietnamese
5	NGUYEN TRONG MINH	RC4	07	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG TI	RC4	09	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐINH VAN CONG	RC4	06	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN CONG CHIEN	RC4	04	1	7		85	CODIEN	Vietnamese
9	MAI VAN TUONG	RC4	08	1	5		60	PSV	Vietnamese
10	BOVT	PVD1	07	1	6		99	D-HANH	Russian
11	KONOVALOV	PVD1	06	1	5		82	D-HANH	Russian
12	YAKUNIN	PVD1	08	1	4		90	D-HANH	Russian
13	LUU QUOC NHAT	PVD1	04-05	2	5		70	D-HANH	Vietnamese
14	KRAPIVKA V.C.	PVD1	12	1	4		78	KH-THAC	Russian
15	KHALIMOV A.A	PVD1	09-11	3	15		85	KH-THAC	Russian
16	NGUYEN NGOC TAN	PVD1	14	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
17	NGO ĐAC TOAN	PVD1	02-03	2	14		60	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN NAM THANG	PVD1	16	1	10		100	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN VAN CUC	PVD1	17-18	2	17		60	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN NGOC LINH	PVD1	01	1	8	40	67	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAM VAN HUAN	PVD1	15	1	5		72	PSV	Vietnamese
22	ĐINH VAN LUU	PVD1	13	1	7		52	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	9	9	53	658	50	5		
2	PVD1	13	18	110	987	40	8		
TOTAL		22	27	163	1.645	90	13		
WEIGHT KG				163	1.645	90			

GRAND TOAL: 1.898 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18-Sep-17	TO: RCDM - RC6 - RPI	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: LHai - DUONG - NNam	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE ĐĂNG TÂM	RCDM				30	62	D-HANH	Vietnamese
2	KAZIKOV	RCDM	77	1	5		100	D-HANH	Russian
3	HUYNH XUAN TRUONG	RCDM	80	1	5		72	D-HANH	Vietnamese
4	BUI SON HAI	RCDM	81	1	3		72	D-HANH	Vietnamese
5	PHAM XUAN VINH PHUC	RCDM	79	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI VAN NINH	RCDM					73	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG MINH DUNG	RCDM	78	1	2		74	KH-THAC	Vietnamese
8	TA CAO BIEN	RC6	97	1	2	50	65	D-HANH	Vietnamese
9	YSKANDEROV	RC6	96	1	4		70	D-HANH	Russian
10	BAKHIMATSKY	RC6	63	1	4		100	D-HANH	Russian
11	TRẦN MINH THỊ	RC6	43	1	5		102	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG VAN TUNG	RC6	44	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM XUAN TRUONG	RC6	42	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
14	LE VAN TRUNG	RC6	45	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
15	KIEU MINH QUYET	RC6	98	1	4		64	PSV	Vietnamese
16	CHU TIEN BINH	RC6	17	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN QUANG THANG	RPI				20	70	D-HANH	Vietnamese
18	VU VAN TOAN	RPI	34	1	4		71	D-HANH	Vietnamese
19	BESPALOV	RPI	38	1	3		80	D-HANH	Russian
20	NHAM DIEN BIEN	RPI					65	D-HANH	Vietnamese
21	BUI THO SON	RPI					73	D-HANH	Vietnamese
22	MAMEDOV	RPI	37	1	8		82	KH-THAC	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	7	5	20	523	30	5		
2	RC6	9	9	51	699	50	5		
3	RPI	6	3	15	441	20	8		
TOTAL		22	17	86	1.663	100	18		
WEIGHT KG				86	1.663	100			

GRAND TOAL: 1.849 KGS

VSP REP.
[Signature]

VNH REP.
[Signature]

CAPTAIN
[Signature]



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/09/2017	TO: JS2 - TD3	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 04 <i>Plong 1</i>	FROM: VT	CREW: Thủy - Vận - Luy - Trường	ETA: 09:20

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM QUANG HUY	JS2	53-54,45	3	18	25	100	XAYLAP	Vietnamese
2	VŨ QUỐC VƯƠNG	JS2				50	74	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN TUẤN ANH	JS2	57-58	2	15		64	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐẶNG VĂN HÂN	TD3	88	1	3	50	66	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC THẠCH	TD3	90	1	10		55	KHOAN	Vietnamese
6	ĐỖ MẠNH HÀ	TD3	69	1	9		70	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ TỰ HỢP	TD3	84	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TUYẾN	TD3	87	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM HAI ĐĂNG	TD3	68	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN TUẤN ANH	TD3	85-86	2	15		82	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ VĂN KHOA	TD3	78	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ VĂN DŨNG	TD3	43	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN LÊ KIẾN	TD3	81	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
14	ĐỖ DUY CHINH	TD3					65	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN DUY ĐỨC	TD3	73	1	8		78	KHOAN	Vietnamese
16	HOANG PHẠM NGỌC VŨ	TD3	77	1	4		98	KHOAN	Vietnamese
17	HÀ VĂN PHÚC	TD3	72	1	9		79	KHOAN	Vietnamese
18	PHẠM VĂN THIẾT	TD3	70	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN HÙNG	TD3	71	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN GIN	TD3	76	1	8		64	KHOAN	Vietnamese
21	TRẦN VĂN DŨNG	TD3	89	1	10		80	DVL	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN LINH	TD3	74-75	2	20		65	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	3	5	33	238	75	0		
2	TD3	19	20	133	1.384	50	22		
TOTAL		22	25	166	1.622	125	22		
WEIGHT KG				166	1.622	125			

GRAND TOTAL: 1.913 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/09/2017	TO: P6 - TD5	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:50
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: DLONG - T.Hieu - ĐANG	ETA: 09:30
NAU-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG TRỌNG BÀI	P6	03	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM TRUNG HIỆU	P6	08,94	2	16		80	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM THAI SƠN	P6	01	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
4	THÂN HỮU TRƯỞNG	P6	09	1	8	110	80	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN NHƯ Y	TD5	19	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
6	HỒ VĂN ANH	TD5					77	PSV	Vietnamese
7	TRẦN ĐỨC THUAN	TD5	12	1	6		72	PSV	Vietnamese
8	VŨ QUỐC VIỆT	TD5	13	1	5	40	74	PSV	Vietnamese
9	ĐÌNH VĂN HOÀI	TD5	07	1	3		67	PSV	Vietnamese
10	ĐẶNG XUÂN DƯƠNG	TD5	08-09	2	15		63	PSV	Vietnamese
11	KRAINOV I.S	TD5	02	1	7		81	KHOAN	Russian
12	TRẦN QUANG HÙNG	TD5	15	1	9		74	KHOAN	Vietnamese
13	HỒ HOÀN KIEM	TD5	16-17	2	7		73	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN DUY TÂM	TD5	03	1	4		61	KHOAN	Vietnamese
15	VƯƠNG ĐÌNH LIÊN	TD5	14	1	2		62	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN QUYẾT TIỀN	TD5	04	1	5		89	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN BA HOA	TD5	05	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN DUY KHÁNH	TD5					77	KHOAN	Vietnamese
19	TRỊNH ANH TRƯỞNG	TD5	18	1	8		63	KHOAN	Vietnamese
20	HOANG NHẬT QUANG	TD5	11	1	2		56	KHOAN	Vietnamese
21	LE VŨ NGỌC	TD5	06	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN VIỆT TRUNG	TD5	10	1	12		83	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	4	5	46	296	110	1		
2	TD5	18	18	96	1.292	40	21		
TOTAL		22	23	142	1.588	150	22		
WEIGHT KG				142	1.588	150			

GRAND TOAL: 1.880 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/09/2017	TO: P3 - PPD - RP2	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:30
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Khang - MTuấn - Năm - Huy	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN VAN VINH **	P3					70	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYEN QUOC DUNG	P3	25	1	5		70	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYEN DAI PHUC	P3	24	1	5	3	70	D-HANH	Vietnamese
4	PHILATOV	P3	26	1	3		90	D-HANH	Russian
5	LE VAN QUYEN	P3	23	1	5		52	GETRACO	Vietnamese
6	NGUYEN TIEN QUAN	PPD	54	1	10		80	CODIEN	Vietnamese
7	HUYNH THANH LAM	PPD	56	1	6		70	CODIEN	Vietnamese
8	HO ANH DAM	PPD	55	1	5		65	CODIEN	Vietnamese
9	VU DUC DUNG	PPD	57	1	8		70	KHI	Vietnamese
10	TRAN TRUNG KIEN	PPD	60	1	10		70	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN DUC Y	PPD	61	1	10		67	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN THANH VINH	PPD	62	1	5	20	70	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN NHU Y	PPD	63-64	2	10	34	62	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN BA HUNG	PPD	65	1	7	36	72	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN XUAN THUY	PPD	58-59	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
16	BAMBUNOV EGOR	RP2	41	1	17		95	KH-THAC	Russian
17	GAZIBEKOV	RP2	40	1	5		103	KH-THAC	Russian
18	NGUYEN QUOC VINH	RP2	36	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN TIEN DAT	RP2	39	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
20	TANG VAN DUC	RP2	38	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
21	DI NH VAN QUAN	RP2	35	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN HOANG	RP2	37	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	5	4	18	352	3	0		
2	PPD	10	12	88	696	90	0		
3	RP2	7	7	46	544	0	12		
TOTAL		22	23	152	1.592	93	12		
WEIGHT KG				152	1.592	93			

GRAND TOTAL: 1.834 KGS +3

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18-Sep-17	TO: TD1 - RC3 - RP1	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: LHai - DUONG - NNam	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VINH PHU	TD1	97	1	11		74	ANTOAN	Vietnamese
2	BUI ĐỨC HOÀ	TD1	300	1	8		61	ANTOAN	Vietnamese
3	LÊ DUY AN	TD1	500	1	11		121	ANTOAN	Vietnamese
4	VŨ VĂN BIÊN	TD1	98	1	10		70	ANTOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC HẢI	RC3	30	1	12	30	63	KH-THAC	Vietnamese
6	NGÔ TUẤN ANH	RC3	27	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ VĂN VIỆT	RC3	33	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐÀO VĂN TUẤN	RC3	29	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ CÔNG AN	RC3	28	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG CÔNG DANH	RC3	31-32	2	15	58	78	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN NAM SƠN	RC3	34-35	2	10		78	GETRACO	Vietnamese
12	ZELENSKII ANDREI	RP1	45	1	12	20	83	KH-THAC	Russian
13	KAZAKOV A.V	RP1	43-44	2	18		80	KH-THAC	Russian
14	NGUYỄN TRỌNG KHANG	RP1	40	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN QUANG TÙNG	RP1					70	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN VĂN THANH	RP1	48	1	9		68	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ ĐỨC THIÊN	RP1	41	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
18	TAO QUANG NGÂN	RP1					61	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN MINH HIẾU	RP1	46-47	2	17		60	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN CÔNG TOÀN	RP1	50	1	10		95	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM NGỌC PHÒNG	RP1	49	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
22	VŨ ĐÌNH HOÀN	RP1	42	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	4	4	40	326	0	1		
2	RC3	7	9	62	495	88	5		
3	RP1	11	11	92	803	20	16		
TOTAL		22	24	194	1.624	108	22		
WEIGHT KG				194	1.624	108			

GRAND TOTAL: 1.926 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/09/2017	TO: RP2	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: ĐỨC - Vận - Luy - Trường	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN THAO	RP2	13	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VŨ QUYÊN	RP2	12	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ ANH TUNG	RP2					72	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN THANH TUẤN	RP2	04	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM QUANG LỢI	RP2	02	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP2	01	1	12		82	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HỒNG QUANG	RP2	09	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	RP2	17	1	3		50	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN THÀNH	RP2	22	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG ĐÌNH YÊN	RP2	03	1	4		48	KH-THAC	Vietnamese
11	NGÔ QUANG LUYỆN	RP2	16	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THÀNH LUAN	RP2	21	1	4		54	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN THIỆN THÀNH	RP2	06	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
14	HỒ ĐỨC LONG	RP2	05	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ DUY QUYÊN	RP2	14	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	18	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HỒNG ĐIỆP	RP2	19	1	8		65	CODIEN	Vietnamese
18	PHẠM TÚ ANH	RP2	10	1	10		65	CODIEN	Vietnamese
19	HA MANH HOANG **	RP2	20	1	6	80	68	CODIEN	Vietnamese
20	ĐÌNH QUỐC TRƯỞNG	RP2	15	1	5		78	GETRACO	Vietnamese
21	TRẦN VĂN VIỆT B	RP2	11	1	3		68	GETRACO	Vietnamese
22	LÊ HỒNG DAN	RP2	07-08	2	15		76	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	22	22	129	1.427	80	22		
TOTAL		22	22	129	1.427	80	22		
WEIGHT KG				129	1.427	80			

GRAND TOAL: 1.636 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18-Sep-17	TO: P8 - VSP02 - RP3	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:50
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: DLONG - T.Hiếu - ĐANG	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HÀ MẠNH CƯỜNG	P8	30-31	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN KHÁC QUÝ	P8	33	1	10	35	68	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐẶNG DUY DUNG	P8	32	1	9		67	XAYLAP	Vietnamese
4	HOANG VAN TRUNG	RP3	12-13	2	15		67	YTE	Vietnamese
5	NGUYEN TRONG VU	RP3					75	KH-THAC	Vietnamese
6	GALLIAMOV I.M I.A.	RP3	02	1	6		70	KH-THAC	Russian
7	NGUYEN THANH DUONG *TT	RP3	20	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN THANH TRUNG*CD	RP3	09	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN VAN SON	RP3	08	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN VAN LY	RP3	17-18	2	10		82	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM VĂN ANH * CD	RP3	01	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ ĐỨC HUY	RP3	16	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM QUANG TRUNG	RP3	19	1	5	70	70	KH-THAC	Vietnamese
14	LƯƠNG VĂN LƯƠNG	RP3	14	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG XUAN HUNG	RP3					70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TU THANG *CD	RP3	03-04	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG VAN HOA	RP3	07	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ TRỌNG LINH	RP3	05	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN DINH HO	RP3	11	1	2		67	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN CONG	RP3	15	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN TIEN	RP3	06	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
22	CHU ĐỨC MUI	RP3	10	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	3	4	36	200	35	0		
2	VSP02	0	0	0	0	0	3		
3	RP3	19	20	106	1.338	70	19		
TOTAL		22	24	142	1.538	105	22		
WEIGHT KG				142	1.538	105			

GRAND TOAL: 1.785 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/09/2017	TO: RP3 - PVD1 - P10	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:30
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Khang - CHIẾN - Năm - Vũ	ETA: 13:10
HONG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRƯƠNG THẾ DŨNG	RP3	38	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
2	LUƠNG QUANG THƯỜNG *CĐ	RP3	44	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TỰ HAI *CĐ	RP3					67	KH-THAC	Vietnamese
4	LE SY VANG	RP3	41	1	8		59	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG VAN HIEN *CĐ	RP3	40	1	8		56	KH-THAC	Vietnamese
6	TRƯƠNG VĂN THƯƠNG	RP3					60	KH-THAC	Vietnamese
7	DƯƠNG VĂN CƯỜNG	RP3	36	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese
8	LẠI VĂN MINH	RP3	37	1	8		61	KHI	Vietnamese
9	TẠ PHI KHANH	RP3	47	1	9	68	72	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH NAM	RP3	42-43	2	11		59	KHI	Vietnamese
11	LE HUU HA	RP3	39	1	10		62	KHI	Vietnamese
12	HOANG VAN PHAI	RP3	33	1	10		67	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN PHÁP	RP3	45-46	2	13		73	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN TRẦN BẢO LINH	RP3	34	1	10		62	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	RP3	35	1	11		74	KHI	Vietnamese
16	PHẠM VĂN KHUÔNG	RP3	32	1	11		70	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN BA TRIẾT	RP3	28	1	10		62	KHI	Vietnamese
18	STEFAN	RP3	29-31	3	12		112	KHI	Australian
19	ĐẶNG ĐỨC TRI	RP3	25-27	3	12		115	KHI	Vietnamese
20	HOANG HUY HIỆU	RP3	48	1	9		56	KHI	Vietnamese
21	BUI CÔNG TRINH	P10	84-85	2	15	10	64	PVE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	20	24	177	1.403	68	15		
2	PVD1	0	0	0	0	0	0	+5	CHUYEN 5 PAX PVD1 SANG P10
3	P10	1	2	15	64	10	6		
TOTAL		21	26	192	1.467	78	21		
WEIGHT KG				192	1.467	78			

GRAND TOAL: 1.737 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18-Sep-17	TO: PPD - P3 - P7	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:35
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: LHai - TRUÔNG - NNam	ETA: 13:15
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN SANG	PPD	81	1	8		67	KHI	Vietnamese
2	NGUYEN THE HUNG	PPD	83	1	6		70	KHI	Vietnamese
3	NGUYEN NGOC HAI	PPD	82	1	7	75	83	KHI	Vietnamese
4	MẠC VĂN VIỆN	PPD	20	1	10		75	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN THANH SON	PPD	98-99	2	12		66	KHI	Vietnamese
6	HỒ CHUNG	PPD	19	1	8		67	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN KHAC THIEN	PPD	89	1	8		66	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN QUANG LINH	PPD	94	1	8		69	KHI	Vietnamese
9	PHAN VAN TRUYEN	PPD	90	1	8		75	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN XUAN HIỆP	PPD	91	1	10		71	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN VAN HUNG	PPD	92-93	2	12		61	KHI	Vietnamese
12	LÊ ĐỨC CÔNG	PPD	21-22	2	12		63	KHI	Vietnamese
13	PHAN VĂN HAI	PPD	95-96	2	17		67	KHI	Vietnamese
14	KOROTKOV	PPD	97	1	10		99	ANTOAN	Russian
15	TRAN TRUNG QUYEN	PPD	73-74	2	16		56	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN TIEN TRONG	PPD	78-79	2	17		80	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN VU HOI	PPD	80	1	14		70	XAYLAP	Vietnamese
18	PHAN ĐANG HUÂN	PPD	76-77	2	17		76	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN HUY ANH	PPD	84-85	2	17		91	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN ĐỨC LỢI	PPD	86-87	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN TUAN LINH	PPD	75	1	16		62	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN XUAN HUNG	PPD	88	1	15		55	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	31	265	1.554	75	0		TRANS 3 PAX P3 SANG P7
2	P3	0	0	0	0	0	1+3		
3	P7	0	0	0	0	10	0		
TOTAL		22	31	265	1.554	85	1		
WEIGHT KG				265	1.554	85			

GRAND TOAL: 1.904 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18-Sep-17	TO: RP3 - RC6 - RCDM	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:40
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: ĐỨC - Vận - Luy - DTùng	ETA: 13:20
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUOC HUNG	RP3	84	1	6		71	KHI	Vietnamese
2	NGUYEN HAI CHIEN	RP3	67-68	2	17		70	KHI	Vietnamese
3	TRUONG VAN DUNG	RP3	81	1	7		60	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN HOAI VU	RP3	85	1	10		62	KHI	Vietnamese
5	LAI VAN CHIUNG	RP3	88	1	5		63	KHI	Vietnamese
6	PHAN VAN TRUONG	RP3	76	1	7		62	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN DUC THUAN	RP3	69	1	10		59	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN TIEN DUNG	RP3	75	1	9		62	KHI	Vietnamese
9	LAM BAO HUNG	RP3	78	1	11		62	KHI	Vietnamese
10	TA HONG KHANH	RP3	86-87	2	12		52	KHI	Vietnamese
11	THAI VAN DUNG	RP3	71-72	2	12		60	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN VAN NHANH	RP3	70	1	10		60	KHI	Vietnamese
13	VU HOANG LONG	RP3	77	1	8		62	KHI	Vietnamese
14	DAO THE LONG	RP3	79-80	2	12		58	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN DUC DAT	RP3	73-74	2	11		52	KHI	Vietnamese
16	TRAAN KIM THANH	RP3	82	1	5		69	NIPI	Vietnamese
17	HOANG ANH TU	RP3	83	1	8		77	NIPI	Vietnamese
18	LE DINH THANG	RC6	50	1	16		67	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN QUOC QUAN	RC6	51	1	11		80	CODIEN	Vietnamese
20	LE THANH HIEU	RC6	49	1	11	20	68	CODIEN	Vietnamese
21	BUI QUOC VIET	RCDM	85-86	2	8		74	KH-THAC	Vietnamese
22	HO TRONG BANG	RCDM	87	1	7	30	76	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	17	22	160	1.061	0	0		
2	RC6	3	3	38	215	20	4		
3	RCDM	2	3	15	150	30	7		
TOTAL		22	28	213	1.426	50	11		
WEIGHT KG				213	1.426	50			

GRAND TOAL: 1.689 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/09/2017	TO: RP1 - RC4 - TD5	AIRCRAFT: 424	ETD: 11:50
FLIGHT: 13	FROM: VT	CREW: Bằng - ĐToàn - ĐANG	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HÙNG CUÔNG	RP1					68	KH-THAC	Vietnamese
2	TUÔNG ANH CAC **	RP1					67	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THỂ VŨ	RP1	07	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUANG LỘC	RP1	30	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
5	HOÀNG ĐÌNH BA	RP1	05	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ QUANG HIẾN	RP1	09	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM VĂN CÁT	RP1	02	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM VĂN THUY	RP1	01	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
9	HOÀNG THỂ ANH	RP1	06	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	RP1					90	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ MẠNH HÙNG	RP1	04	1	3	35	79	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM KHÁNH TOÀN	RP1	03	1	5	20	63	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH TÙNG	RP1	08	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC QUYẾT	RP1	10	1	8	12	52	YTE	Vietnamese
15	LEE WOO SANG	TD5	92-93	2	18		63	NHA THAU	Korean
16	HEO WON HYUK	TD5	93-94	2	20		103	NHA THAU	Korean
17	SYDORSKY	TD5	87	1	10		90	ANTOAN	Russian
18	NGUYỄN HỮU TRIỆT	TD5	88	1	10		64	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN HẠNH	TD5	90	1	3	17	65	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN LƯƠNG SƠN	TD5	89	1	4		72	PSV	Vietnamese
21	PHI TRƯỜNG SƠN	TD5	92	1	5		66	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN ĐỨC	TD5	91	1	6		69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	14	11	63	951	67	10		CHUYEN 4 PAX RC4 SANG TD5
2	RC4	0	0	0	0	0	0 + 4		
3	TD5	8	10	76	592	17	6		
TOTAL		22	21	139	1.543	84	16		
WEIGHT KG				139	1.543	84			

GRAND TOAL: 1.766 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN